TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2023.
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thành Chúng;

2. Ông Phan Phước Tân.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàn Mỹ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông Chau San – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2023/TLST–HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 211/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thái C, sinh năm 1996; cư trú: Số nhà 175, tổ 11, ấp B, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1990; cư trú: Số nhà 232, tổ 26, ấp T, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà C có mặt; ông D vắng mặt lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Lê Thị Thái C trình bày:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà và ông D là do tự tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Sau khi kết hôn vợ chồng làm công nhân sống ở Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ngoài ra, ông D còn cờ bạc, cá độ, gia đình hai bên có lên tiếng khuyên ngăn nhưng ông D không thay đổi. Bà và ông D đã không sống chung khoảng hai năm nay. Nhận thấy tình cảm dành cho ông D không còn, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, có 01 (một) con chung tên Nguyễn Lê K, sinh ngày 26/8/2019. Hiện nay con chung đang sống cùng bà C, khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông D.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho ông D theo quy định nhưng ông D vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà C, ông D để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo Thông báo số định danh cá nhân của Công an xã P ngày 19/5/2023 xác định ông D vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại ấp T, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Về mâu thuẫn hôn nhân: Ông Lê Văn K là cha ruột của bà C cho biết bà C và ông D là do tự tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông D cờ bạc, cá độ không chăm lo cho vợ con, ông Khải có lên tiếng khăn ngăn nhưng

ông D vẫn không thay đổi. Ông bà đã không sống chung với nhau khoảng hai năm nay. Ngoài ra, ông bà có 01 con chung hiện đang sống với bà C. Nay bà C nhận thấy không còn tình cảm, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên xin ly hôn ông Khải không có ý kiến, để ông bà tự quyết định.

Tại phiên tòa, bà C vắng mặt có đơn; riêng ông D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà C chung sống với ông D đến năm 2021 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông D hiện đang cư trú tại xã P, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thái C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà C và ông D tiến đến hôn nhân là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào năm 2020 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng bà C vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông D. Tại phiên hòa giải bà C yêu cầu không tiến hành hòa giải do không còn tình cảm, ông D nhận được các thông báo của Tòa án nhưng không đến thể hiện việc bỏ mặt không có ý định hàn gắn tình cảm với bà C.

Tại phiên tòa hôm nay bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kiên quyết ly hôn và không thể quay lại chung sống với ông D. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn ông bà phát sinh từ năm 2021 đến nay cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình hai bên để ông tự quyết định và nhìn nhận mâu thuẫn của ông bà dù có quay lại ông bà chung sống cũng không hạnh phúc.

Bà C cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông D cờ bạc, cá độ không chăm lo cho vợ con, được hai bên gia đình hàn gắn nhưng tình trạng ngày càng trầm trọng. Mâu thuẫn vợ chồng ông bà phù hợp với lời trình bày của ông Lê Văn K là cha ruột của bà C. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Lê K, sinh ngày 26/8/2019. Hiện nay con chung đang sống cùng bà C, khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy từ khi ông bà ly thân đến nay con chung được bà C cùng gia đình nuôi dưỡng, chăm sóc, phát triển tốt, tình cảm mẹ - con đã gắn bó việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của cháu sau này nên việc tiếp tục giao hai con chung cho bà C nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh hiện tại và quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà C không yêu cầu ông D cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Bà C cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà C là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thái C.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thái C được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 94 ngày 18/6/2020 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang mang tên ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị Thái C không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Lê Thị Thái C được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Lê K, sinh ngày 26/8/2019. Công nhận tự nguyện của bà C không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà C cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Thái C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008209 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Bà C nộp đủ.

Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/6/2023), các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh AG (1);*
- *VKS tỉnh AG (1);*
- *VKS huyện A (2);*
- *THADS huyện A (1);*
- *UBND xã nơi ĐKKH (1);*

- Các đương sự (2);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS (1).

Nguyễn Thị Thảo Ngân